TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 10/2018/DS-ST Ngày 17 tháng 7 năm 2018 *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Soái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Hoàng
2. Bà Bùi Thị Thiềm

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 03/7/2018 và 17/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-DS ngày 02/01/2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-DS ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N. Sinh năm 1972, có mặt.

Trú tại: Số nhà 37 đường V, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ. Sinh năm 1995, vắng mặt.

Trú tại: Số nhà 35 thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Đ ủy quyền cho bà Vũ Thị L tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị L. Sinh năm 1968, có mặt.

Trú tại: Số nhà 35 thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày: Vào ngày 10/7/2017, tôi có cho anh Nguyễn Quốc Đ vay số tiền 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*, thoả thuận lãi suất 1%/tháng. Khi vay anh Đ có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận vào nội dung người mượn tiền, bà L mẹ anh Đ ký bên người làm chứng. Hạn trả nợ 10 ngày sau anh Đ sẽ

trả tiền. Khi vay không thế chấp gì, anh Đ có để lại 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu để làm tin. Đến hạn trả nợ hiện nay anh Đ chưa thanh toán cho tôi được khoản tiền nào. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc một mình anh Đ phải trả cho tôi số tiền gốc 250.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ trình bày: Tôi thừa nhận ngày 10/7/2017, tại nhà bà Lê Thị Kim N, tôi có viết giấy vay tiền bà Lê Thị Kim N với số tiền 250.000.000đ theo như giấy vay tiền bà N khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, khi viết xong giấy vay tiền thì nguyên đơn bà Lê Thị Kim N và mẹ tôi là bà Vũ Thị L nói tôi về trước, bà N sẽ đưa tiền cho mẹ tôi cầm về sau. Sau đó, tôi có hỏi mẹ tôi (L) đã nhận được tiền chưa thì mẹ tôi bảo bà N không có đưa tiền. Tôi có hỏi mẹ tôi là giấy nợ đâu thì mẹ tôi nói đã xé rồi. Do là mẹ con nên tôi tin tưởng và không hỏi gì thêm. Khoảng hơn một tháng sau thì vợ chồng bà N gọi điện thoại đòi nợ tôi thì tôi mới biết là mẹ tôi có nhận của bà N số tiền 210.000.000đ. Tôi xác định, số tiền 210.000.000đ mà mẹ tôi mượn của bà N không liên quan đến tôi. Tôi xác định giấy vay tiền đề ngày 10/7/2017, vay số tiền 250.000.000đ là do tôi viết và ký ra, tuy nhiên, tôi không nhận được số tiền trên nên tôi không đồng ý trả nợ cho bà N.

Quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày:

Ngày 10/7/2017 tôi có nói với bà N cho tôi vay 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) để trả nợ cho người khác, bà N đồng ý và yêu cầu con trai tôi đưa chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để làm tín chấp việc vay tiền, tôi gọi điện thoại bảo con trai Nguyễn Quốc Đ lên nhà bà N để vay tiền, Đ nghe lời tôi lên nhà bà N viết giấy mượn của bà Lê Thị Kim N số tiền gốc là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), hạn trả nợ 10 ngày sau. Lãi suất thoả thuận bằng miệng 7.000đ/triệu/ngày. Đ con trai tôi có viết giấy vay của bà N số tiền 250.000.000đ, cả hai mẹ con tôi cùng ký xác nhận vào nội dung bên người vay tiền, chứ không phải tôi ký bên người làm chứng. Sau khi Đ viết giấy vay tiền của bà N, thì bà N chưa giao tiền cho mẹ con tôi, nên Đ về trước, tôi ở lại. Đến 20 giờ cùng ngày bà N giao cho tôi số tiền gốc 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Khi tôi nhận tiền thì bà N chỉ giao cho tôi 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*), bà N lại yêu cầu tôi phải viết giấy nhận tiền của bà N 210.000.000đ, tôi có thắc mắc thì bà N cho rằng tôi không có tài sản để thế chấp, cho nên giấy vay tiền mà mẹ con tôi ký vay của bà N 250.000.000đ là dùng để thế chấp, khi nào tôi trả cho bà N 210.000.000đ thì bà N sẽ trả lại cho tôi giấy vay số tiền 250.000.000đ mà hai mẹ con tôi đã ký vào chiều ngày 10/7/2017. Đến ngày 12/7/2017 tôi đã trả cho bà N 44.000.000đ (*Bốn mươi bốn triệu đồng*), việc tôi trả cho bà N số tiền 44.000.000đ thì bà N không viết giấy nhận tiền cho tôi mà chỉ ghi vào sổ của bà N. Đến hạn trả nợ như cam kết do công việc của gia đình tôi phải về bắc nên chưa có tiền để trả cho bà N.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu con trai tôi phải trả cho bà N số tiền gốc 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), tôi chấp nhận sẽ trả cho bà N số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Con trai tôi không phải trả khoản nợ này, vì cháu không sử dụng số tiền tôi vay của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất và hòa giải vụ án nhiều lần, tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ phải trả nợ cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim N số tiền gốc là 250.000.000^{đ} và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim N cho bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ vay số tiền 250.000.000^{đ}; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, HĐXX xác định quan hệ pháp tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ phải trả số tiền gốc 250.000.000^{đ}, và lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ là giấy

mượn tiền gốc đề ngày 10/7/2017 với nội dung *"hôm nay, ngày 10/7/2017, tôi có mượn của cô Lê Thị Kim N với số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng. Nay tôi đã nhận số tiền trên và hẹn trong vòng 10 ngày tôi sẽ hoàn trả số tiền trên, có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trước pháp luật"*.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ thừa nhận vào ngày 10/7/2017 anh có viết giấy mượn tiền bà Lê Thị Kim N số tiền 250.000.000đ, chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 10/7/2017 là do anh viết và ký ra. Như vậy, việc nguyên đơn, bà N cho bị đơn anh Đ vay số tiền 250.000.000đ là có thật.

Anh Đ xác định vào ngày 10/7/2017 có viết giấy mượn tiền nguyên đơn bà N số tiền 250.000.000đ, tuy nhiên anh không nhận được số tiền 250.000.000đ theo thỏa thuận, nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được phía nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim N, buộc bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 250.000.000đ và lãi suất 1%/tháng là phù hợp và có căn cứ.

Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L thấy rằng: Bà L xác định khoản tiền 250.000.000đ mà con trai bà là Nguyễn Quốc Đ viết giấy vay tiền vào ngày 10/7/2017 thì bà là người nhận tiền, con bà chỉ là người đứng ra viết giấy mượn tiền theo yêu cầu của nguyên đơn và không được nhận tiền. Bà L xác định chỉ nhận của bà N số tiền 210.000.000đ mà không phải là số tiền 250.000.000đ như bà N khởi kiện nên bà đồng ý đứng ra trả nợ thay con trai bà là Nguyễn Quốc Đ số tiền 210.000.000đ. Tuy nhiên, bà L không có các giấy tờ, căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N không chấp nhận cho bà L đứng ra trả nợ thay cho con trai là Nguyễn Quốc Đ nên không có cơ sở để chấp nhận đề nghị này của bà Vũ Thị L.

[3] Về lãi suất:

Bà Vũ Thị L xác định vào ngày 12/7/2017, đã trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền lãi suất là 44.000.000đ nhưng không có căn cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vay 250.000.000đ là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 nên có cơ sơ để chấp nhận; cụ thể như sau: 250.000.000đ x 1%/tháng x 11 tháng 22 ngày = 29.416.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi buộc bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim N số tiền 279.416.000đ.

[4] Quá trình vay nợ, bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ có để lại 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Quốc Đ để làm tin nên cần buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn sau khi bị đơn thanh toán hết nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: 279.416.000đ x 5% = 13.970.800đ.

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim N không phải chịu án phí DSST.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N.

Buộc anh Nguyễn Quốc Đ phải trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền 279.416.000đ, trong đó nợ gốc là 250.000.000đ và tiền lãi là 29.416.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị Kim N có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Quốc Đ 01 giấy chứng minh nhân dân số 241630073 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/5/2013; 01 sổ hộ khẩu số 160439294 mang tên chủ hộ Nguyễn Quốc Đ sau khi anh Đ thanh toán xong nợ.

2/ Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quốc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.970.800đ (mười ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim N, số tiền tạm ứng án phí 6.250.000^{đ} (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: 0004160 ngày 26 tháng 12 năm 2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hữu Soái